TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/4/2026
Về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Lê Phú Chánh Thể.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026, Quyết định Hoãn phiên toà số: 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: A, ấp F, xã G, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre)

- *Bị đơn:* Ông Đinh Hoàng G, sinh năm: 1982; Địa chỉ: A, ấp F, xã G, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre)

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đinh Hoàng G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Nay là Ủy Ban nhân dân xã G, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 08/6/2007. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chồng thường xuyên kiếm chuyện, chửi bới, đánh đập vợ và không còn quan tâm đến vợ con nữa nên bà và ông G đã sống ly than nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 02 con chung tên là Đinh Trần Thủy T1, sinh ngày 02/5/2005 và Đinh Trần Ngọc V, sinh ngày 15/12/2012, hiện Đinh Trần Thủy T1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được; con chung là Đinh

Trần Ngọc V do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không yêu cầu ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc riêng và phải chăm sóc con còn nhỏ, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông G được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà sẽ không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản về việc không tống đạt trực tiếp được ngày 21/01/2026, ông G từ chối nhận các thông báo của Toà án lý do: bà T tự nộp đơn ly hôn, bà T tự giải quyết, ông G không liên quan và không muốn nhận bất cứ giấy tờ nào của Toà án.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18 tháng 3 năm 2026, ông G vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông G vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đinh Hoàng G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông G.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông G chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 08/6/2007 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà T và ông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà T trình bày, bà và ông G đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông G, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông G nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G. Sau khi bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông G, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà T và ông G hàn gắn, nhưng ông G đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà T và ông G đoàn tụ được. Việc ông G vắng mặt là ông G đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông G đã đương

nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông G nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G. Tòa án đã động viên bà T trở về cùng đoàn tụ với ông G nhưng bà T không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông G.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông G đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông G.

- *Về con chung:* bà T và ông G có 02 con chung tên là Đinh Trần Thủy T1, sinh ngày 02/5/2005 và Đinh Trần Ngọc V, sinh ngày 15/12/2012, hiện Đinh Trần Thủy T1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, bà T không có yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét; Đối với con chung là Đinh Trần Ngọc V, hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, cháu Ngọc V đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông G không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông G không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông G có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đinh Hoàng G.

2. *Về con chung:* Bà Trần Thị T và ông Đinh Hoàng G có 02 con chung tên là Đinh Trần Thủy T1, sinh ngày 02/5/2005 và Đinh Trần Ngọc V, sinh ngày 15/12/2012, hiện Đinh Trần Thủy T1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Giao con chung chưa thành niên tên là Đinh Trần Ngọc V cho bà T tiếp

tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông G không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông G không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông G có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007646 ngày 29/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Thế Trang Đền